

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 59

Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 3)

Bấy giờ Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa thấy A-nan đi gặp Đức Phật nên hỏi:

–Trưởng lão A-nan, thầy đi đâu đó?

A-nan đáp:

–Tôi định đến yết kiến Đức Phật.

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Này A-nan, nếu thầy nhất định đi, xin đợi tôi chốc lát, tôi cũng sẽ đến xin phép Thân giáo sư, rồi tôi cùng thầy đi đến Đức Phật.

Đề-bà-đạt-đa liền đi đến chỗ Tôn giả Bạt-da-sắc-tra Tăng-già đánh lễ dưới chân, đứng về một bên, bạch:

–Thưa thầy, con muốn yết kiến Đức Phật. Cúi xin thầy thương mến cho phép.

Bấy giờ Trưởng lão Bạt-da-sắc-tra bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Nếu thầy thấy đến lúc, khi đi đến chỗ Phật sẽ thay ta đánh lễ dưới chân Phật và vấn an Thế Tôn: ít bệnh, ít nã, thân thể có an ổn không? Đứng ngồi có dễ dàng không? Đi lại hóa đạo có khó khăn không? Thân thể khí lực có dồi dào không?

Đề-bà-đạt-đa thưa Bạt-da-sắc-tra Tăng-già:

–Như lời Tôn sư dạy, con không dám trái phép.

Đề-bà liền đánh lễ Tôn sư, nhiễu quanh ba vòng, từ tạ ra đi.

Bấy giờ hai vị Trưởng lão A-nan-đà và Đề-bà-đạt-đa rời khỏi chân Tuyết sơn, đồng đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, hai người đánh lễ dưới chân Đức Phật và đứng lui về một bên.

Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa bạch Thế Tôn:

–Khi trước con cầu xin Như Lai xuất gia mà Như Lai không cho. Nay Như Lai không thấy con được xuất gia rồi hay sao?

Đức Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, người vì mục đích gì mà xuất gia vậy? Xuất gia rồi, xin người không nên phản lại.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

–Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn, khi trước Ngài thường răn dạy Đề-bà-đạt-đa làm việc lợi ích. Ngược lại nay Đề-bà-đạt-đa lại đem oán thù đến với Phật.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, chẳng chỉ đời này Ta dạy Đề-bà-đạt-đa làm điều lợi ích, mà người lại oán thù Ta, ở trong quá khứ cũng như vậy. Ta dạy điều lợi ích, ngược lại, ông ấy oán thù Ta.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, việc ấy thế nào, xin Ngài dạy rõ cho.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ trong thời quá khứ dưới chân Tuyết sơn có con chim một thân hai đầu,

thường ở tại nơi đây. Một đầu gọi là chim Ca-lâu-trà, một đầu gọi là chim Ưu-ba-ca-lâu-trà. Chim hai đầu này, một đầu ngủ, một đầu thức.

Một hôm nọ, đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà đang ngủ thì gần bên đầu chim thức có một cây ăn quả tên Ma-đầu-ca. Cây này gió thổi làm hoa rơi nơi đầu chim thức. Lúc ấy với ý nghĩ: “Nếu một mình ta ăn hoa này, khi nuốt vào bụng thì cả hai đầu đều được sắc đẹp và sức lực, được hết đói khát”, nên đầu chim thức không đánh thức đầu chim ngủ, cũng không báo cho biết, im lặng ăn hoa.

Sau đó, đầu chim ngủ thức dậy, thấy trong bụng no nê, ho hắt hơi ra ngoài, liền nói với đầu chim thức: “Anh ăn uống thức ăn tuyệt vời này ở đâu, khiến cho thân thể tôi no nê thoải mái, làm cho âm thanh của tôi trong trẻo?”

Đầu chim Ca-lâu-trà đáp: “Khi anh ngủ say, nơi đó cách đầu tôi chẳng xa, có hoa của cây ăn quả Ma-đầu-ca, lúc ấy một hoa rơi trên đầu tôi. Bấy giờ với ý nghĩ: “Chỉ một mình ta ăn hoa này, đến khi vào bụng thì cả hai đầu đều khỏi đói khát, đều có sắc đẹp và sức lực”, nên tôi không đánh thức anh dậy, cũng không nói cho anh biết, mà ăn hoa ấy.”

Đầu chim ngủ nghe nói như vậy, liền oán giận, hiềm trách, nghĩ thế này: “Người được thức ăn không nói ta hay, không gọi ta dậy, tự ăn một mình. Như vậy, từ nay về sau nếu được thức ăn ta cũng không gọi, không cho biết.”

Chim hai đầu ấy vào một hôm nọ bay đi đó đây, bỗng nhiên gặp một bông hoa độc. Với ý nghĩ: “Ta ăn hoa này để cả hai đầu đều chết.” Nên đầu kia nói với đầu Ca-lâu-trà: “Giờ này anh ngủ đi, tôi sẽ thức.”

Ca-lâu-trà nghe đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà nói như vậy liền ngủ say. Đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà vội ăn hoa độc. Đầu chim Ca-lâu-trà ngủ xong thức dậy, ho hắt hơi ra ngoài, biết đây là hơi độc, liền hỏi đầu chim kia: “Khi thức, anh ăn thức ăn độc nào khiến cho thân thể ta không an, mạng sống sắp chết, làm cho âm thanh ta khàn khàn, muốn nói ra nhưng cổ họng nghẹt cứng không thông!”

Lúc ấy đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà nói với đầu chim Ca-lâu-trà: “Khi anh ngủ say, tôi ăn hoa độc, muốn cho hai đầu đều chết.”

Ca-lâu-trà nói với Ưu-ba-ca-lâu-trà: “Việc làm của anh thật bộ phận chộp vội vàng! Tại sao anh làm việc như vậy?”

Liền nói kệ:

*Ngày xưa anh đang yên giấc ngủ
Tôi ăn hoa lành mùi ngon ngọt
Hoa kia gió thổi rớt bên tôi
Anh lại phát sinh tâm sân hận.
Nguyện chẳng muốn thấy kẻ ngu này
Cũng nguyện chẳng sống chung với họ
Sống chung người ngu không lợi ích
Người ngu tự hại, hại người khác.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các thầy có tâm nghi ngờ chim Ca-lâu-trà ăn hoa thơm thuở ấy là ai thì chớ nên nghĩ gì khác, tức là thân Ta vậy. Chim Ưu-ba-ca-lâu-trà ăn hoa độc thuở ấy là ai? Tức là Đề-bà-đạt-đa này vậy. Thuở ấy Ta làm việc lợi ích, Đề-bà-đạt-đa ngược lại sinh sân hận. Ngày nay cũng vậy, Ta dạy điều lợi ích, ngược lại oán thù Ta.

Khi Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đã xuất gia rồi, ở trong ba tháng hạ thành tựu ba

pháp thân thông, Ma-ni-lâu-đà chứng được Thiên nhân, Trưởng lão Bạt-phù-bà, Trưởng lão Nhân Kỳ, Trưởng lão Nan-đề-ca... những vị này đắc quả A-la-hán. A-nan lại chứng quả Tu-đà-hoàn, Đề-bà-đạt-đa chứng được thân thông phàm phu thế gian.

Khi Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đắc quả A-la-hán, hoặc ở dưới gốc cây hay trong phòng vắng, hoặc ở nơi đất trống, hoặc ở trong vườn Kỳ-đà, ngày đêm ba thời thường xướng lên ba lần thế này: “Thật là an lạc!”

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo đến bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca Kiều-cù-di không thích ở trong pháp Thế Tôn, không vui không mừng, luôn luôn nhớ đến thú vui phú quý khi còn vương vị. Vì thường nhớ nghĩ đến việc ấy nên hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở trong phòng vắng, hoặc ở nơi đất trống, thường ba thời xướng lên ba lần: “Thật là an lạc!.”

Khi ấy Đức Phật gọi một Tỳ-kheo đến và bảo:

–Thầy đến đây. Hãy vì Ta, thầy đến gặp Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca và nói rằng Thế Tôn cần gặp thầy.

Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

–Y như lời Thế Tôn dạy, con xin vâng lời.

Đi đến chỗ Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca, vị ấy nói:

–Thưa Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca, Đức Thế Tôn gọi thầy đến.

Bà-đề-lợi-ca nghe nói như vậy, liền đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi đánh lễ rồi đứng lui về một bên.

Đức Phật bảo Bà-đề-lợi-ca:

–Này Bà-đề-lợi-ca, thầy không thích ở trong pháp của Ta tu phạm hạnh phải không? Thầy luôn luôn tưởng đến ngôi vua phải không? Vì tưởng nhớ như vậy nên hoặc ở dưới gốc cây, hoặc nơi phòng vắng, hoặc nơi đất trống, trong ba thời xướng lên thế này: “Thật là an lạc! Thật là an lạc!”, phải không?

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca bạch Phật:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Đúng vậy, bạch Như Lai.

Đức Phật lại bảo:

–Thầy thấy lợi ích gì, hoặc ở dưới gốc cây... ba thời xướng lên: “Thật là an lạc! Thật là an lạc!”?

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, khi xưa con ở tại cung vua, nhận lễ quán đảnh, lên làm vua trị vì, được bảy lớp tường thành bao bọc cung điện bảo vệ con, lại có bảy lớp tượng quân hộ vệ, lại có bảy lớp chiến mã, như vậy. Lại có quân xa, bộ binh, mỗi loại đều có bảy lớp, đều mặc áo giáp, tay cầm binh khí cung, tên, giáo, mác, mâu, thuẫn, chày kim cương lớn và gậy sắt lớn, khóa sắt, vòng sắt, chĩa ba, búa rìu... Bao nhiêu binh khí như vậy hộ vệ chung quanh con. Ngoài tường lại có bảy lớp hào nước. Giữ gìn như vậy, che chở như vậy, nhưng ban đêm nếu nghe tiếng động, con vẫn hồi hộp không yên, toàn thân dựng chân lông, thường sinh hổ thẹn, các căn biến động.

Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay hoặc con ở dưới gốc cây, hoặc trong phòng vắng, hoặc nơi đất trống, ban đêm nghe bao tiếng thú dữ, con không còn sợ sệt, thân không dựng chân lông, không có hổ thẹn, các căn không biến động. Do vậy, con thường tư duy, nghĩ thế này: “Ta đã được điều lợi ích lớn! Ngày nay Thế Tôn là Bạc Đạo Sư của ta, thuyết các pháp mà Ngài đã được giác ngộ, ở trong pháp ấy ta được xuất gia, tu hành phạm hạnh, có nhiều cấm giới hộ trì ta để trở thành bậc diệu hạnh. Ta đang được đời

sống tốt đẹp, khi qua đời cũng tốt đẹp.”

Bạch Đức Thế Tôn, con đem sự sung sướng giàu sang thuở xưa nơi vương vị, so với sự an lạc xuất gia ngày hôm nay như cái vui ngồi chỗ vắng, cái vui giác quán, cái vui tịch tịnh, những cái vui của bậc Sa-môn..., do con nghĩ đến những cái vui này nên khi đang ở dưới gốc cây, hoặc trong phòng vắng, hoặc nơi đất trống, tri túc thiểu dục, đi khát thực, mà thân không sợ hãi dựng chân lông, giống như nai rừng tâm được tự tại, đi đứng nằm ngồi không bị chướng ngại. Cho nên ba thời thường reo lên ba lần: “Thật là an lạc!”

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca ở trước Đức Phật vì đại chúng mà nói kệ:

*Thâm cung ngày xưa tôi đang ngự
Bảy lớp tường thành cao chót vót
Lầu canh đuổi giặc thật vững bền
Thành lũy bao quanh đến bảy lớp
Quân sĩ luôn luôn cầm khí giới
Suốt cả ngày đêm hộ vệ tôi
Nhiều cách như vậy để phòng thủ
Nhưng thân tâm vẫn sợ chẳng an.
Ngày nay tôi sống với Thế Tôn
Không có một người theo hộ vệ
Cho đến sống nơi thật hoang vắng
Hoặc dưới gốc cây trong rừng núi
Tôi: Ba-đề-ca, đệ tử Phật
Mọi người cùng nhau đồng che chở
Đi đứng nằm ngồi thường an lạc
Do vậy tâm không còn lo nghĩ.
Tôi xưa trong cung cõi voi chúa
Thân mặc y phục lụa tuyết vời
Ăn uống canh cơm đồ ngon ngọt
Canh cháo hòa với vị thịt ngon,
Tôi nay nằm ngồi tùy ý trái
Phần tảo che thân nơi hoang vắng
Cắt ái từ bỏ gốc khổ đau
Muốn làm việc gì đều tùy ý.*

Khi ấy vì việc này Đức Thế Tôn nói kệ:

*Biết thân mạng, không lo khi sống
Cũng không buồn khi mạng lâm chung
Người nào dũng mãnh thấy chân đế
Tuy trong biển khổ nào có sợ.
Tỳ-kheo nào đã đoạn hữu ái
Thì đoạn trừ hết tất cả trần
Phiền não sinh tử đều diệt sạch
Như vậy không luân hồi đời sau.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người giàu sang quyền quý

nhất xuất gia, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca này.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca này ngày trước tạo thiện nghiệp gì, nay sinh trong nhà đại hào quý họ Thích, được nhiều của cải, sản nghiệp không thiếu? Tạo nghiệp gì được thừa kế lên ngôi vua họ Thích? Tạo nghiệp gì được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán? Đức Thế Tôn ghi nhận: “Này các Tỳ-kheo, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, xả bỏ sự hào quý danh vọng đi xuất gia, thì Bà-đề-lợi-ca là người đệ nhất?”

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở quá khứ, có một người nghèo cùng đi ăn xin để sống. Người này từ một thành nọ đi đến thành Ba-la-nại. Khi đến nơi, những ăn mày ở nơi đây đều quở trách tên ăn mày đó: “Người từ đâu đến đây? Ta ngăn cấm người không được đi ăn xin.”

Bấy giờ người ăn mày này thấy có sự trở ngại nên suy nghĩ: “Ta với bọn họ không tội lỗi gì, tại sao họ ngăn cấm không cho ta đi xin?”

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một vị trưởng giả mất một cái bát bằng đồng, nên ông ta đi tìm kiếm. Tìm tại nơi đây không có, ông mới đi đến các thôn khác tìm bát đồng.

Khi ấy người ăn mày kia lượm được bát đồng nơi đồng phân, treo bát trên đầu cây gậy, đi vào thành Ba-la-nại, đi từ đường phố này đến đường phố nọ, đi từ đường hẻm nọ đến đường hẻm kia, từ ngã tư đường hẻm này đến ngã tư đường hẻm kia, từ góc đường này đến góc đường nọ, miệng rao lên: “Bát đồng này là vật của ai? Ai là người chủ, xin nhận lãnh!”

Người ăn mày đi khắp đó đây để tìm người chủ, nhưng rốt cuộc không tìm ra chủ nó nên đến giao cho vua Phạm Đức. Sau đó, trưởng giả mới nghe: “Có người lượm được bát đồng từ nơi đồng phân, treo bát trên đầu gậy đi vào thành Ba-la-nại, từ đường phố này đến đường phố kia, từ đường hẻm kia đến đường hẻm nọ và miệng rao lên: Bát đồng này của ai?... Đi khắp mọi nơi không biết chủ nó ở đâu. Vì không tìm được người chủ nên họ đến giao cho vua Phạm Đức.”

Trưởng giả nghe như vậy, đến gặp vua Phạm Đức và tâu: “Đại vương biết cho! Bát đồng mà trước đây tên ăn mày dâng cho Đại vương là chiếc bát của tôi.”

Lúc ấy vua Phạm Đức cho sứ giả đi gọi tên ăn mày đến, nhà vua hỏi: “Chiếc bát trước kia người mang đến đây, nay trưởng giả này nói là của trưởng giả. Việc ấy như thế nào?”

Người ăn mày tâu vua Phạm Đức: “Như thế này, thưa Đại vương, tôi không biết bát đồng này là vật sở hữu của ai. Nó ở nơi đồng phân, tôi lượm được rồi treo trên đầu cây gậy, đi vào thành Ba-la-nại này, đi khắp đó đây hỏi không biết chủ của nó ở đâu. Do không biết chủ, nên tôi mới đem dâng cho Đại vương. Nay tùy ý Đại vương sử dụng.

Bấy giờ vua Phạm Đức nghe nói như vậy, rất vui mừng, trao bát đồng lại cho trưởng giả và nói với người ăn mày: “Này nhân giả, đối với ta, người muốn cầu mong những gì ta sẽ ban cho người.”

Người ăn mày tâu vua Phạm Đức: “Tâu Đại vương, nếu ngày nay Đại vương thật sự hoan hỷ đáp ứng nguyện vọng của tôi thì xin Đại vương cho tôi làm chúa trong đám ăn mày nơi thành Ba-la-nại này.”

Vua Phạm Đức lại nói: “Ngày nay, người xin làm chúa đám ăn mày đó làm gì!

Nên xin các điều ước muốn khác hoặc là vàng bạc, hoặc xin phong ấp một thôn trừ phú nhất nước ta... ta sẽ ban ngay cho người.”

Người ăn mày lại tâu: “Tâu Đại vương, nếu Đại vương hoan hỷ xin ban cho tôi được ước nguyện đó, tôi chỉ muốn được như thế thôi.”

Nhà vua liền phán: “Theo ý ông muốn, ta chấp thuận.”

Bấy giờ tại thành Ba-la-nại tổng cộng có năm trăm người ăn mày. Người ăn mày được ước nguyện ấy tập họp tất cả các ăn mày và tuyên bố: “Ta được Đại vương cho làm chúa các người, các người phải nghe lệnh ta phân xử.”

Năm trăm ăn mày hỏi người ăn mày chúa: “Nay chúa phân chia chúng tôi làm những gì?”

Người ăn mày chúa phán: “Các người phải cùng nhau khiêng ta trên vai, hoặc đặt ta trên lưng mà cõng đi, còn bao nhiêu hầu hạ chung quanh hai bên mà đi.”

Bọn ăn mày năm trăm người nghe nói như vậy, liền theo sự xử phân đó: Hoặc người kiệu trên vai, hoặc người cõng trên lưng, du hành khắp đó đây. Đến xin những nơi có đồ ngồi, đồ nằm, thức ăn uống... rồi đem về một chỗ, vị ăn mày chúa phân chia rồi cùng nhau đồng sử dụng. Sự sinh hoạt như vậy, sống qua thời gian khá lâu.

Hôm nọ, có một người ngồi chỗ vắng, ăn Ma-hồ-trà-ca (*nhà Tùy dịch là Hoan hỷ hoàn*). Lúc ấy tên ăn mày chúa cướp lấy thức ăn Ma-hồ-trà-ca của người này rồi bỏ chạy, năm trăm ăn mày đồng đuổi theo ăn mày chúa. Chạy được quãng đường xa, mọi người đều mỏi mệt. Do vì mỏi mệt nên họ đều trở về, còn tên ăn mày chúa thân thể sức lực tráng kiện nên chạy mà không mệt. Chạy đến chỗ xa, xoay đầu nhìn lại không thấy năm trăm ăn mày. Thấy vậy người này đi vào một khu rừng, dùng nước rửa tay, ngồi bên mé bờ, ý sắp ăn Ma-hồ-trà-ca. Nhưng khi sắp ăn, anh ta hối hận: “Ta chẳng tốt, Ta vì cố gì đoạt thức ăn của người khác, đoạt được rồi lại giấu đám tùy tùng của ta. Đồ ăn đã nhiều, ta ăn không hết. Nếu trong thế gian có các Thánh nhân, xin rõ được lòng tôi mà đến đây, tôi sẽ phân cho thức ăn này.”

Phát tâm như vậy rồi, có một vị Bích-chi-phật tên là Thiện Hiền, từ hư không bay đến, hạ xuống đứng trước mặt ăn mày chúa, cách người này chẳng bao xa. Ăn mày chúa từ xa trông thấy vị Bích-chi-phật oai nghi chậm rãi, bước đi chững chạc, cử chỉ đúng phép, không gấp không hoãn. Thấy vậy rồi, anh ta đối với vị Bích-chi-phật sinh tâm tịnh tín. Đã được lòng tin thanh tịnh rồi, người này suy nghĩ: “Ở trong quá khứ và cho đến hiện tại, ta chịu cảnh nghèo hèn đều do không gặp được ruộng phước như thế. Ta chưa từng biết cung kính cúng dường người như vậy. Giả sử trong quá khứ ta đã gặp được ruộng phước như vậy thì ngày nay lẽ ra không gặp cảnh khốn khổ này, lẽ ra không sống dưới sự áp bức. Ta nay đem thức ăn Ma-hồ-trà-ca dâng cho vị Tiên nhân này, không biết Tiên nhân có nhận lấy hay không? Nếu được người nhận lấy thì nguyện ở đời vị lai ta thoát khỏi thân khốn ách bần tiện này.” Nghĩ như vậy rồi, anh ta đem Ma-hồ-trà-ca dâng cho Tiên nhân.

Bích-chi-phật chỉ có một pháp duy nhất là hiện thân thông làm phương tiện giáo hóa chúng sinh, ngoài ra không có pháp nào khác. Vị Bích-chi-phật nhận thức ăn Ma-hồ-trà-ca rồi, vì thương mến người này, từ đây bay vọt lên hư không mà đi.

Người ăn mày chúa thấy vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không như vậy, vui mừng hơn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Do hoan hỷ nên anh ta chấp tay trên đầu, từ xa lễ dưới chân Tôn giả Bích-chi-phật, rồi phát nguyện: “Nguyện thân ta ở đời vị lai gặp được Bạc Thế Tôn như vậy, hoặc hơn thế nữa, với bao nhiêu giáo

pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện khi nghe qua rồi liền được tỏ ngộ. Lại nguyện rằng ta ở đời vị lai sinh trong nhà hào tộc, có đại oai đức, làm vua trị hóa dân chúng, chớ sinh trở lại trong đám ăn mày khổ sở. Lại nguyện rằng đời đời kiếp kiếp không sinh vào các đường ác.”

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu có ai nghi ngờ tên ăn mày chúa ở thành Ba-la-nại cúng dường Ma-hồ-trà-ca cho vị Bích-chi-phật thuở nọ là người nào thì chớ nghĩ gì khác, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca này vậy. Khi xưa tên ăn mày chúa cúng dường Ma-hồ-trà-ca cho vị Bích-chi-phật, do nhân duyên đó nên ngày nay được phước báo sinh trong dòng họ Thích, một đại hào quý tộc, cho đến của cải không thiếu một vật gì.

Lại thuở đó, tên ăn mày phát nguyện: “Ở đời vị lai được sinh trong hào tộc đại oai đức, làm vua trị hóa dân chúng.” Do nghiệp nhân đó, nay được phước báo sinh trong nhà họ Thích, nhận lãnh ngôi vua.

Lại thuở ấy tên ăn mày chúa lại nguyện: “Vào thời vị lai, đời đời kiếp kiếp không đọa vào các đường ác, thường được lưu chuyển qua lại trong cõi trời người, hưởng nhiều diệu lạc.”

Lại thuở ấy tên ăn mày chúa lại nguyện: “Ở đời vị lai thường gặp được vị Bích-chi-phật Thế Tôn như vậy, hoặc là hơn thế nữa, những giáo pháp Thế Tôn nói ra, tôi nguyện nghe qua liền tỏ ngộ.” Do nhân duyên ấy, ngày nay được phước báo gặp Ta, được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Ta lại ghi nhận: Trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người hào quý nhất xuất gia, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca.

Này các Tỳ-kheo, Bà-đề-lợi-ca xưa tạo các nhân duyên thiện căn như vậy, do nhân duyên thiện căn ấy nên nay sinh trong nhà họ Thích, thuộc chủng tộc hào quý, hết sức giàu sang, cho đến của cải không thiếu hụt, ở trong dòng họ Thích được nối ngôi vua, mà xả bỏ ngôi vua đi xuất gia, thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Cho nên Ta ghi nhận: ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, kẻ thuộc dòng họ hào quý xuất gia thì Bà-đề-lợi-ca là người bậc nhất.

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca-sau khi chứng quả A-la-hán, thường ở chỗ vắng vẻ, đi khát thực để sống, đắp y phẩn tảo, thường ngồi không nằm, ngồi nơi thuận tiện, chỉ giữ ba y, lại không cất chứa vật gì khác.

Một lúc nọ, Trưởng lão ở chỗ vắng vẻ trong rừng cây thuộc thành Xá-bà-đề. Trưởng lão tìm cỏ và lá cây nhưng không có nên lượm phần khô của bạch tượng, nhóm lại làm chỗ ngồi. Trưởng lão ngồi kiệt già trên đống phân voi, thân thể ngay ngắn, nhiếp tâm chánh niệm trải qua một đêm.

Sáng sớm hôm sau, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đắp y, mang bình bát, sắp vào thành Xá-bà-đề khát thực. Bấy giờ trong thành này có nhiều ăn mày xin được đồ ăn xong, nên đi ra khỏi thành chẳng bao xa, mỗi người sắp ăn thức ăn của mình vừa mới xin được.

Lúc ấy Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca từ xa trông thấy các người ăn mày, sau khi xin thức ăn xong, rời khỏi thành chẳng bao xa, mỗi người ngồi mỗi chỗ sắp sửa ăn. Trưởng lão đến bên những người này đứng yên lặng.

Bấy giờ tất cả ăn mày suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này cố ý thương mến chúng ta, cho nên đến đây khát thực.” Nghĩ như vậy rồi, mỗi người tự giảm bớt một ít phần ăn của mình để cúng dường Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca.

Bấy giờ vua Ba-tư-na, nước Kiền-tát-la cỡi con bạch tượng tên là Nhất-phân-đà-lợi ra đi từ thành Xá-bà-đề cùng với một đại thần tên Thi-lợi-bạt-đà (*nhà Tùy dịch là Bỉ*

Hiên), khi ấy vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la xa xa trông thấy Bà-đề-lợi-ca khát thực nơi những người ăn mỳ để ăn, liền nói với đại thần Thi-lợi-bạt-đà:

–Này Thi-lợi-bạt-đà, đây là Tỳ-kheo nào mà xin thức ăn từ đám ăn mỳ để ăn như vậy?

Bấy giờ vị đại thần quán sát thấy rõ là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca, biết chắc chắn không sai, nên tâu vua:

–Tâu Đại vương, xin ngài biết cho, đây là Tỳ-kheo Thích Bà-đề-lợi-ca.

Nhà vua bảo vị đại thần:

–Nếu quả thật như vậy, Khanh đánh bạch tượng đến chỗ Bà-đề-lợi-ca.

Đại thần Thi-lợi-bạt-đà nghe vua truyền lệnh, tâu:

–Y như lời Đại vương dạy, xin vâng lệnh.

Nhận lệnh rồi, vị đại thần đánh bạch tượng chở vua đến chỗ Bà-đề-lợi-ca. Khi vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la đến gần Bà-đề-lợi-ca, liền xuống voi, đánh lễ dưới chân Trưởng lão, rồi đứng lui về một bên. Vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la thưa Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca:

–Thánh giả, ngày nay vì lý do gì có ý bần tiện, xin thức ăn ở nơi những kẻ ăn mỳ để ăn như vậy.

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca nói với vua Ba-tư-na Kiều-tát-la:

–Này Đại vương, tôi không phải bần cùng mà theo họ xin ăn. Tôi có bảy món của báu, ý tôi muốn theo những người nghèo đó xin ăn để cho họ được thoát cảnh bần cùng.

Đại vương phải biết, tôi đã có con mắt trí tuệ, chỉ vì muốn phá màn vô minh cho chúng sinh nên đến đó xin ăn để mở con mắt tuệ cho họ.

Lại nữa, này Đại vương, tôi đã thoát khỏi tất cả sự ràng buộc, chỉ vì chúng sinh bị tham dục, sân hận trói buộc nên tôi đến đó xin ăn để mở trói buộc cho họ.

Này Đại vương, nay tôi đã vượt đến bờ giải thoát, chỉ vì muốn cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong vũng bùn lầy phiền não nên tôi đến đó xin ăn.

Lại nữa, này Đại vương, tôi nay đã đạt được đến chỗ không bệnh, chỉ vì muốn trị bệnh phiền não cho chúng sinh nên đến đó ăn xin.

Khi ấy vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la lại bạch Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca:

–Thưa Thánh giả, trăm cũng bần cùng không có bảy thứ báu. Trăm cũng tối tăm, sống trong hắc ám. Trăm cũng bị chìm đắm trong vũng bùn lầy phiền não. Trăm nay cũng bị bệnh tham dục. Cúi xin Thánh giả thương mến thường đến nội cung của trăm.

Bấy giờ Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca nói với vua Ba-tư-na Kiều-tát-la:

–Này Đại vương, Đại vương chẳng cần làm như vậy.

Nói như vậy rồi, Trưởng lão từ giã nhà vua mà đi.

M